TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tưởng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018, về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Văn D, sinh năm 1983;

Địa chỉ cư trú: ấp x, xã VX, thị xã TC, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1981;

Địa chỉ cư trú: ấp x, xã TP x, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Diễm T cưới nhau vào ngày 19/12/1997 (âm lịch) có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VX, huyện TC, trước khi tiến tới hôn nhân do có người giới thiệu từ đó có tìm hiểu nhau và tự nguyện cưới nhau. Sau khi cưới vợ chồng anh chị sống với gia đình anh. Anh và chị T sống hạnh phúc được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về lối sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên xung đột cải vả nhau nên đời sống chung không hạnh phúc, tuy đã nhiều lần nói chuyện với nhau nhưng vẫn không thay đổi được, nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng không còn sống chung thì có gặp nhau để hàn gắn nhưng vẫn không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Diễm T.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, anh và chị Thúy có 02 con chung tên Nguyễn Văn E, sinh ngày 02/6/1999 và Nguyễn Văn V, sinh ngày 09/5/2001, hiện nay cháu Nguyễn Văn E đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Nguyễn Văn V hiện đang sống với chị T, tùy theo nguyện vọng của cháu muốn sống với ai thì anh cũng đồng ý, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị T đã tự thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị T chung sống không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Nguyễn Thị Diễm T, Toà án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng chị từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại bản khai ngày 01/6/2018, cháu Nguyễn Văn V trình bày: "Ba mẹ ly hôn nguyện vọng con ở với mẹ".

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn D; về con chung: chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn V, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con, còn cháu Nguyễn Văn E đã trưởng thành nên không đề cập đến; về tài sản chung: anh D và chị T đã thỏa thuận xong và nợ chung: không có, nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2] Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Diễm T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Diễm T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Xét yêu cầu ly hôn của anh D đối với chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của anh D tại phiên tòa hôm nay thì cuộc sống của anh và chị T không hạnh phúc nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về lối sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên xung đột cải vả nhau nên đời sống chung không hạnh phúc, tuy đã nhiều lần nói chuyện với nhau nhưng vẫn không thay đổi được, nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng không còn sống chung thì có gặp nhau để hàn gắn nhưng vẫn không thành. Đối với chị T thì Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị đến để Tòa án hòa giải, động viên cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị vẫn cố tình không đến và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của anh D và chị T hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của anh D là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho anh Nguyễn Văn D ly hôn với chị Nguyễn Thị Diễm T.

[4] Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, anh D và chị T có 02 con chung tên Nguyễn Văn E, sinh ngày 02/6/1999 và Nguyễn Văn V, sinh

ngày 09/5/2001, hiện nay cháu Nguyễn Văn E đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Nguyễn Văn V hiện đang sống với chị T và cháu có nguyện vọng sống với mẹ thì anh cũng đồng ý, anh không cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi anh D và chị T không còn sống chung thì cháu V đều sống với chị T, vì vậy để ổn định cuộc sống của cháu cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu, giao cháu V cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có văn bản yêu cầu. Nếu khi nào chị T có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì chị có quyền khởi kiện một vụ, việc khác.

[5] Về tài sản chung: Do anh D trình bày đã tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn chị T không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về nợ chung: Do anh D trình bày trong quá trình vợ chồng chung sống không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn chị T không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Diễm T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Chị Nguyễn Thị Diễm T được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn V, sinh ngày 09/5/2001.

2.2. Anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn D chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003801 ngày 02/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã VX, thị xã TC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Lương Bằng